

Số: /BC-UBND

Đức Phổ, ngày tháng 6 năm 2024

## BÁO CÁO

### Tình hình và kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 (bao gồm kế hoạch vốn năm 2022 - 2023 thực hiện lũy kế đến thời điểm giám sát)

Thực hiện Công văn số 3527/SLĐT BXH-BTXH&GN ngày 05/6/2024 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ngãi về việc giám sát Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024. UBND thị xã Đức Phổ báo cáo tình hình và kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) giảm nghèo bền vững năm 2024 (bao gồm kế hoạch vốn năm 2022 - 2023 thực hiện lũy kế đến thời điểm giám sát), cụ thể như sau:

#### I. Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình năm 2024

##### 1. Công tác ban hành văn bản triển khai thực hiện

UBND thị xã đã ban hành các văn bản để triển khai tổ chức thực hiện Chương trình:

+ Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 07/3/2024 thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn thị xã năm 2024;

+ Quyết định số 758/QĐ-UBND ngày 13/3/2024 về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2024 (đợt 1);

+ Quyết định số 1156/QĐ-UBND ngày 5/4/2024 về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững năm 2024 (đợt 2) và Quyết định số 1732/QĐ-UBND ngày 24/5/2024 về việc điều chỉnh nội dung phụ lục kèm theo Quyết định số 1156/QĐ-UBND ngày 05/4/2024;

+ Công văn số 926/UBND ngày 05/4/2024 về việc thống nhất nội dung Kế hoạch thực hiện các Dự án thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn thị xã Đức Phổ năm 2024;

+ Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 17/4/2024 về việc giám sát Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn thị xã Đức Phổ năm 2024;

+ Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 15/3/2024 về tổ chức “Ngày hội tư vấn hướng nghiệp và giới thiệu việc làm” năm 2024 trên địa bàn thị xã Đức Phổ;

Ngoài ra, Chủ tịch UBND thị xã chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Văn hóa - Thông tin và các cơ quan, đơn vị ban hành một số văn bản để triển khai thực hiện Chương trình thuộc thẩm quyền, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

## 2. Công tác phối hợp giữa các phòng ban, đơn vị, địa phương

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, sự hướng dẫn của các Sở, ban, ngành, sự vào cuộc của Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội, công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp trong triển khai thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn thị xã từng bước đồng bộ và mang lại hiệu quả thiết thực. UBND thị xã đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị và địa phương thực hiện tốt công tác phối hợp từ công tác lấy ý kiến, lập kế hoạch, triển khai thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện các Chương trình đều đảm bảo đúng theo quy định.

**3. Tình hình thực hiện chế độ báo cáo:** Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất kịp thời, đầy đủ các nội dung, thời gian theo quy định

**4. Tình hình, kết quả thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt các dự án thuộc chương trình:** Cơ quan được giao kinh phí xây dựng kế hoạch, trình UBND thị xã phê duyệt (đối với dự án 2 và tiểu dự án 1 của dự án 3) hoặc UBND thị xã có văn bản thống nhất kế hoạch đối với các dự án, tiểu dự án khác để triển khai thực hiện theo các quy định.

## II. Tình hình và kết quả thực hiện chương trình năm 2024 (bao gồm kế hoạch vốn năm 2022 - 2023 thực hiện lũy kế đến thời điểm giám sát)

### 1. Kết quả thực hiện các dự án:

#### 1.1. Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

a) Tổng nguồn vốn được phân bổ: 6.262,75 triệu đồng (năm 2022: 837,350 triệu đồng; năm 2023: 2.484 triệu đồng và năm 2024: 2.941,4 triệu đồng), trong đó: Ngân sách trung ương: 5.431 triệu đồng (năm 2022: 728 triệu đồng; năm 2023: 2.159 triệu đồng và năm 2024: 2.544 triệu đồng); Ngân sách địa phương: 831,75 triệu đồng (năm 2022: 109,350 triệu đồng; năm 2023: 325 triệu đồng và năm 2024: 397,4 triệu đồng).

b) Tổng nguồn vốn đã thực hiện: 866,333 triệu đồng (năm 2022: 834,219 triệu đồng; năm 2023: 32,114 triệu đồng), trong đó: Ngân sách trung ương: 755,925 triệu đồng (năm 2022: 728 triệu đồng; năm 2023: 27,925 triệu đồng); Ngân sách địa phương: 110,408 triệu đồng (năm 2022: 106,219 triệu đồng; năm 2023: 4,189 triệu đồng).

c) Kết quả thực hiện:

\* Năm 2022, triển khai tại phường Phổ Thạnh và xã Phổ Phong, cụ thể:

- *Tại phường Phổ Thạnh:*

+ Thực hiện 02 dự án, với mô hình “chăn nuôi bò cái lai Zê Bu sinh sản”. Tổng số đối tượng được hỗ trợ là 20 hộ, gồm: 07 hộ nghèo, 12 hộ cận nghèo, 01 hộ khuyết tật chưa có sinh kế ổn định (có 08 thành viên là phụ nữ thuộc hộ nghèo);

+ Tổng nguồn kinh phí phân bổ cho dự án là: 418,650 triệu đồng (trong đó ngân sách TW: 364 triệu đồng, ngân sách tỉnh: 36,5 triệu đồng, ngân sách thị xã: 18,150 triệu đồng). Đã giải ngân nguồn vốn từ ngân sách nhà nước là 418,286 triệu đồng, đạt 99,92%; (trong đó ngân sách TW: 364 triệu đồng, ngân

sách tỉnh: 36,5 triệu đồng, ngân sách thị xã: 17,786 triệu đồng); hoàn trả ngân sách thị xã số tiền 364.000 đồng,

- *Tại xã Phổ Phong:*

+ Thực hiện 02 dự án, với mô hình “*chăn nuôi bò cái lai Zê Bu sinh sản*”, Tổng số đối tượng được hỗ trợ là 29 hộ, gồm: 08 hộ nghèo, 21 hộ cận nghèo (*có 18 thành viên là phụ nữ thuộc hộ nghèo, cận nghèo*);

+ Tổng nguồn kinh phí phân bổ cho dự án là: 418,700 triệu đồng (trong đó ngân sách TW: 364 triệu đồng, ngân sách tỉnh: 36,5 triệu đồng, ngân sách thị xã: 18,200 triệu đồng). Đã giải ngân nguồn vốn từ ngân sách nhà nước là 415,933 triệu đồng, đạt 99,34%; (trong đó ngân sách TW: 364 triệu đồng, ngân sách tỉnh: 36,5 triệu đồng, ngân sách thị xã: 15,433 triệu đồng); số tiền còn lại 2,767 triệu đồng đã hoàn trả ngân sách nhà nước.

\* Năm 2023, được triển khai tại 04 địa phương: Phổ Châu, Phổ Khánh, Phổ Thuận và Phổ Nhơn, số lượng 100 con hỗ trợ cho 100 hộ gồm: 31 hộ nghèo, 65 hộ cận nghèo, 02 hộ mới thoát nghèo và 02 hộ khuyết tật không có sinh kế ổn định.

- Tổng nguồn kinh phí phân bổ cho dự án là: 2.111 triệu đồng. Đã giải ngân năm 2023 là: 32,114 triệu đồng. Nguồn kinh phí còn lại năm 2023: 2.078,886 triệu đồng chuyển sang năm 2024, hiện đang trong giai đoạn giao bò cho 100 hộ dân tham gia dự án. Theo kế hoạch, ngày 20 và 23 tháng 6 tiến hành kiểm tra bò và trực tiếp bàn giao hỗ trợ cho các đối tượng tham gia dự án. Tuy nhiên, qua kiểm tra bò không đủ trọng lượng theo quy định (220kg), vì vậy các cơ quan Phòng Lao động – TB&XH và Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp đã không nhận bò theo kế hoạch và yêu cầu bên cung ứng bò khẩn trương giao bò đạt chuẩn theo quy định chậm nhất vào ngày 10/7/2024.

\* Năm 2024, tiếp tục thực hiện giải ngân kinh phí năm 2023 và triển khai thông báo kế hoạch thực hiện dự án theo trình tự quy định. Hiện nay đang trong giai đoạn thông báo tuyển cộng đồng dân cư thực hiện dự án phát triển sản xuất cộng đồng trong năm 2024.

### *1.2. Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng*

a) *Tiêu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp*

\* Tổng nguồn vốn được phân bổ: 2.675,7 triệu đồng (năm 2022: 417,150 triệu đồng; năm 2023: 1.073 triệu đồng và năm 2024: 1.185,55 triệu đồng), trong đó: Ngân sách TW: 2.327 triệu đồng (năm 2022: 363 triệu đồng; năm 2023: 933 triệu đồng và năm 2024: 1.031 triệu đồng); Ngân sách địa phương: 348,7 triệu đồng (năm 2022: 54,15 triệu đồng; năm 2023: 140 triệu đồng và năm 2024: 154,55 triệu đồng).

\* Tổng nguồn vốn đã thực hiện: 1.270,597 triệu đồng, đạt 47,49%; (năm 2022: 417,150 triệu đồng; năm 2023: 853,447 triệu đồng), trong đó: Ngân sách TW: 1.105,127 triệu đồng (năm 2022: 363 triệu đồng; năm 2023: 742,127 triệu đồng); Ngân sách địa phương: 165,470 triệu đồng (năm 2022: 54,150 triệu đồng; năm 2023: 111,320 triệu đồng).

\* Kết quả thực hiện:

- Năm 2022, triển khai tại phường Phổ Ninh:

+ Thực hiện 02 dự án, với mô hình “chăn nuôi bò cái lai Zê Bu sinh sản” cho 19 hộ hưởng lợi, trong đó: 06 hộ nghèo, 10 hộ cận nghèo và 03 hộ mới thoát nghèo và 01 mô hình: Hỗ trợ giống lúa sản xuất lúa vụ Đông Xuân 2022 - 2023, số người tham gia: 125, trong đó: số người nghèo 21, người cận nghèo 93, người mới thoát nghèo 03, người khuyết tật 08, số phụ nữ tham gia 12. Tổng kinh phí cho các dự án là: 417,150 triệu đồng.

+ Đã giải ngân 100% nguồn vốn đúng thời gian quy định.

- Năm 2023, được triển khai tại 02 địa phương: phường Phổ Quang và xã Phổ Cường:

+ Tại xã Phổ Cường: Thực hiện 01 dự án, với mô hình “chăn nuôi bò cái lai Zê Bu sinh sản” cho 23 hộ hưởng lợi, trong đó: 13 hộ nghèo, 10 hộ cận nghèo (trong đó: 7 phụ nữ thuộc hộ nghèo và 07 phụ nữ thuộc hộ cận nghèo. Tổng kinh phí hỗ trợ 514,005 triệu đồng.

Đã giải ngân 461,8535 triệu đồng, đạt 89,86%; còn lại 52,1515 triệu đồng tiếp tục chuyển nguồn sang năm 2024 thực hiện.

+ Tại phường Phổ Quang : Thực hiện 01 dự án, với mô hình “ hỗ trợ ngư lưới cụ”, với nội dung hỗ trợ: cấp áo lưới và cấp giềng cột lưới. Tham gia dự án có 19 hộ, gồm 04 hộ nghèo, 14 hộ cận nghèo, 01 hộ mới thoát nghèo. Tổng kinh phí hỗ trợ 514,005 triệu đồng.

- Đã giải ngân: 386,0935 triệu đồng, đạt 75,12%; còn lại 127,9115 triệu đồng tiếp tục chuyển nguồn sang năm 2024 thực hiện.

b) Tiểu dự án 2. Cải thiện dinh dưỡng

- Tổng nguồn vốn được phân bổ: 507,7 triệu đồng (năm 2023: 216 triệu đồng và năm 2024: 291,7 triệu đồng), trong đó: Ngân sách TW: 442 triệu đồng (năm 2023: 188 triệu đồng và năm 2024: 254 triệu đồng); Ngân sách địa phương: 65,7 triệu đồng (năm 2023: 28 triệu đồng và năm 2024: 37,7 triệu đồng).

- Tổng nguồn vốn đã thực hiện năm 2023: 134,802 triệu đồng. Trong đó: Ngân sách trung ương 117,219 triệu đồng; Ngân sách địa phương: 17,583 triệu đồng, đạt 62,41%. Năm 2024: tiếp tục rà soát trẻ em thuộc diện hỗ trợ cải thiện dinh dưỡng để thực hiện theo quy định.

- Kết quả thực hiện: Tăng cường việc tiếp cận với các can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho 249 trẻ em, trong đó: Số trẻ suy dinh dưỡng thấp còi dưới 5 tuổi được hỗ trợ là 38 trẻ và số trẻ suy dinh dưỡng thấp còi từ 5 đến dưới 16 tuổi được hỗ trợ là 211 trẻ.

1.3. Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

a) Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

- Tổng nguồn vốn được phân bổ: 3.189,7 triệu đồng (năm 2022: 592,8 triệu đồng; năm 2023: 966 triệu đồng và năm 2024: 1.630,9 triệu đồng), trong đó: Ngân sách TW: 2.773 triệu đồng (năm 2022: 515 triệu đồng; năm 2023: 840 triệu đồng và năm 2024: 1.418 triệu đồng); Ngân sách địa phương: 416,7 triệu đồng (năm 2022: 77,8 triệu đồng; năm 2023: 126 triệu đồng và năm 2024: 212,9 triệu đồng).

- Tổng nguồn vốn đã thực hiện 525,657 triệu đồng, đạt 16,48% (năm 2022: 73,588 triệu đồng; năm 2023: 452,069 triệu đồng, trong đó: Ngân sách TW: 466,69 triệu đồng (năm 2022: 73,588 triệu đồng; năm 2023: 393,102 triệu đồng); Ngân sách địa phương: 58,967 triệu đồng (năm 2023: 39,310 triệu đồng; năm 2023 mang sang năm 2024: 19,657 triệu đồng).

- Kết quả thực hiện:

+ Thực hiện năm 2023: Tổ chức tọa đàm định hướng nghề nghiệp cho học sinh lớp 9 (tổng đối tượng được hỗ trợ: 1.350 học sinh; số tiền hỗ trợ: 47,582 triệu đồng, trong đó kinh phí năm 2022 chuyển sang năm 2023 là 26,588 triệu đồng); Tổ chức Ngày hội tư vấn hướng nghiệp và giới thiệu việc làm (tổng đối tượng được hỗ trợ: 1.247 người; số tiền hỗ trợ: 152,760 triệu đồng); In tờ rơi tuyên truyền định hướng nghề nghiệp (số tiền: 35 triệu đồng (kinh phí năm 2022 chuyển sang 2023)); Tổ chức tham quan, hướng nghiệp gắn kết giữa doanh nghiệp với học sinh (tổng số học sinh tham gia: 59 học sinh; số tiền hỗ trợ: 12,393 triệu đồng); In 03 Pano tuyên truyền về phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững (số tiền: 70,4375 triệu đồng); Viết tin, bài về giáo dục nghề nghiệp mang tính truyền thông, thông điệp (số tiền: 12 triệu đồng).

+ Năm 2024: Tổ chức Ngày hội tư vấn hướng nghiệp và giới thiệu việc làm, tổng đối tượng được hỗ trợ: 1.268 học sinh khối lớp 9 (trường THCS Phổ Khánh, Phổ Văn) và khối 11,12 (Trường THPT Số 2 Đức Phổ và THPT Lương Thế Vinh). Kinh phí giải ngân từ nguồn kinh phí năm 2023 chuyển sang năm 2024: 130,403 triệu đồng

b) Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững

- Tổng nguồn vốn được phân bổ: 2.174,8 triệu đồng (năm 2022: 303,2 triệu đồng; năm 2023: 801 triệu đồng và năm 2024: 1.070,6 triệu đồng), trong đó: Ngân sách trung ương: 1.891 triệu đồng (năm 2022: 264 triệu đồng; năm 2023: 696 triệu đồng và năm 2024: 931 triệu đồng); Ngân sách địa phương: 283,8 triệu đồng (năm 2022: 39,2 triệu đồng; năm 2023: 105 triệu đồng và năm 2024: 139,6 triệu đồng).

- Tổng nguồn vốn đã thực hiện: 737,89 triệu đồng, đạt 33,9% (năm 2022: 284,89 triệu đồng; năm 2023: 453,01 triệu đồng), trong đó: Ngân sách TW: 646,267 triệu đồng (năm 2022: 252,348 triệu đồng; năm 2023: 393,919 triệu đồng); Ngân sách địa phương 91,626 triệu đồng (ngân sách tỉnh: 61,084 triệu đồng và ngân sách thị xã: 30,542 triệu đồng), trong đó năm 2022: 10,846 triệu đồng; năm 2023: 19,696 triệu đồng.

- Kết quả thực hiện: Quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu về dân cư: Số lao động được thu thập, cập nhật thông tin trên hệ thống phần mềm quản lý lao động trong 02 năm 2022 và 2023 là 52.436, cụ thể:

+ Năm 2022, triển khai thực hiện công tác thu thập cập nhật thông tin người lao động theo Thông tư số 01/2022/TT-BLĐTBXH: 5.068 lao động thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo, với tổng kinh phí: 35,421 triệu đồng.

+ Năm 2023, triển khai thu thập cập nhật thông tin người lao động theo Thông tư 11/2022/TT-BLĐTBXH đối với 47.368 lao động trên địa bàn thị xã Đức Phổ, với kinh phí: 693,521 triệu đồng, trong đó chi công tác tập huấn là: 27,788 triệu đồng, chi phổ tồ mẫu phục vụ công tác điều tra: 29,923 triệu đồng và chi hỗ trợ người điều tra và người cung cấp thông tin theo mẫu số 03 là: 635,811 triệu đồng.

#### 1.4. Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

##### a) Tiểu dự án 1. Giảm nghèo về thông tin

- Tổng nguồn vốn được phân bổ: 498,55 triệu đồng (năm 2022: 24,05 triệu đồng; năm 2023: 325 triệu đồng và năm 2024: 149,5 triệu đồng), trong đó: Ngân sách TW: 434 triệu đồng (năm 2022: 21 triệu đồng; năm 2023: 283 triệu đồng và năm 2024: 130 triệu đồng); Ngân sách địa phương: 64,55 triệu đồng (năm 2022: 3,05 triệu đồng; năm 2023: 42 triệu đồng và năm 2024: 19,5 triệu đồng).

- Tổng nguồn vốn đã thực hiện: 161,574 triệu đồng, đạt 32,4% (năm 2022: 24,05 triệu đồng; năm 2023: 137,524 triệu đồng), trong đó: Ngân sách trung ương 140,585 triệu đồng (năm 2022: 21 triệu đồng; năm 2023: 119,585 triệu đồng); Ngân sách địa phương 20,989 triệu đồng (năm 2022: 3,05 triệu đồng; năm 2023: 17,939 triệu đồng).

- Nội dung thực hiện:

+ Tổ chức 03 lớp Bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ thông tin, truyền truyền. Số cán bộ thông tin và truyền thông được tập huấn nâng cao năng lực là 348 cán bộ.

+ Ngoài ra, xây dựng các chương trình phát thanh, truyền hình gồm: 20 chương trình phát thanh và 4 phóng sự truyền hình.

##### b) Tiểu dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

- Tổng nguồn vốn được phân bổ: 297,35 triệu đồng (năm 2022: 29,25 triệu đồng; năm 2023: 127 triệu đồng và năm 2024: 141,1 triệu đồng), trong đó: Ngân sách trung ương: 258 triệu đồng (năm 2022: 25 triệu đồng; năm 2023: 110 triệu đồng và năm 2024: 123 triệu đồng); Ngân sách địa phương: 39,35 triệu đồng (năm 2022: 4,25 triệu đồng; năm 2023: 17 triệu đồng và năm 2024: 18,1 triệu đồng).

- Tổng nguồn vốn đã thực hiện: 44,217 triệu đồng, đạt 14,9% (năm 2022: 18 triệu đồng; năm 2023: 26,217 triệu đồng), trong đó: Ngân sách trung ương: 40,797 triệu đồng (năm 2022: 18 triệu đồng; năm 2023: 22,797 triệu đồng). Ngân sách địa phương: 3,4197 triệu đồng (năm 2023: 3,4197 triệu đồng). Trong đó, ngân sách tỉnh: 2,27973 triệu đồng và ngân sách thị xã: 1,13997 triệu đồng.

- Kết quả thực hiện (chi tiết theo từng năm):

+ Năm 2022, thực hiện in 10.000 tờ rơi tuyên truyền công tác giảm nghèo, tổng kinh phí: 18 triệu đồng.

+ Năm 2023, tổ chức nói chuyện chuyên đề giảm nghèo tại cộng đồng dân cư tại 09 xã, phường, đối tượng tham dự gồm 380 hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, với tổng kinh phí: 15,820 triệu đồng và tổ chức Hội nghị "Đức Phổ chung tay vì người nghèo không để ai bị bỏ lại phía sau", với 145 đại biểu tham dự, với tổng kinh phí: 10,397 triệu đồng.

#### 1.5. Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

##### a) Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

- Tổng nguồn vốn được phân bổ: 1.058 triệu đồng (năm 2022: 220,6 triệu đồng; năm 2023: 346 triệu đồng và năm 2024: 491,4 triệu đồng), trong đó: Ngân sách TW: 920 triệu đồng (năm 2022: 192 triệu đồng; năm 2023: 301 triệu đồng và năm 2024: 427 triệu đồng); Ngân sách địa phương: 138 triệu đồng (năm 2022: 28,6 triệu đồng; năm 2023: 45 triệu đồng và năm 2024: 64,4 triệu đồng).

- Tổng nguồn vốn đã thực hiện 183,262 triệu đồng, đạt 17,3% (năm 2022: 87,062 triệu đồng; năm 2023: 96,200 triệu đồng), trong đó: Ngân sách TW: 170,715 triệu đồng (năm 2022: 87,062 triệu đồng; năm 2023: 83,653 triệu đồng); Ngân sách địa phương: 12,547 triệu đồng (năm 2023: 12,547 triệu đồng). Trong đó, ngân sách tỉnh 8,3646 triệu đồng và ngân sách cấp thị xã: 4,1824 triệu đồng.

##### - Kết quả thực hiện:

+ Năm 2022, Tổ chức Hội nghị tập huấn nâng cao năng lực cho 300 cán bộ, công chức, điều tra viên Ban chỉ đạo cấp xã thực hiện giảm nghèo, với tổng kinh phí 33,426 triệu đồng và học tập kinh nghiệm tại Đà Nẵng, với tổng kinh phí là: 53,636 triệu đồng.

+ Năm 2023, tổ chức Hội nghị tập huấn nâng cao năng lực cho 270 cán bộ, công chức, điều tra viên Ban chỉ đạo cấp xã thực hiện giảm nghèo, với tổng kinh phí 26,2 triệu đồng và tổ chức 01 đợt học tập kinh nghiệm tại tỉnh Lâm Đồng, với tổng kinh phí 70 triệu đồng.

##### b) Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

- Tổng nguồn vốn được phân bổ: 593,95 triệu đồng (năm 2022: 113,95 triệu đồng; năm 2023: 181 triệu đồng và năm 2024: 299 triệu đồng), trong đó: Ngân sách trung ương: 516 triệu đồng (năm 2022: 99 triệu đồng; năm 2023: 157 triệu đồng và năm 2024: 260 triệu đồng); Ngân sách địa phương: 77,95 triệu đồng (năm 2022: 14,95 triệu đồng; năm 2023: 24 triệu đồng và năm 2024: 39 triệu đồng).

- Tổng nguồn vốn đã thực hiện: 108,932 triệu đồng, đạt 18,33% (năm 2022: 46,362 triệu đồng; năm 2023: 62,57 triệu đồng), trong đó: Ngân sách trung ương 100,771 triệu đồng (năm 2022: 46,362 triệu đồng; năm 2023: 54,409 triệu đồng); Ngân sách địa phương 8,161 triệu đồng gồm, ngân sách tỉnh: 5,440 triệu đồng và ngân sách thị xã: 2,720 triệu đồng (năm 2023).

- Kết quả thực hiện (chi tiết theo từng năm và từng đơn vị, nội dung hỗ trợ).

+ Năm 2022, tập huấn rà soát hộ nghèo, cận nghèo cho 105 điều tra viên, với kinh phí: 22,608 triệu đồng; Tổ chức rà soát hộ nghèo cận nghèo, với kinh

phí: 10,5 triệu đồng và tổ chức giám sát công tác giảm nghèo tại các xã, phường: 13,253 triệu đồng.

+ Năm 2023, tập huấn rà soát hộ nghèo, cận nghèo cho 350 điều tra viên, với kinh phí: 27,33 triệu đồng; Tổ chức rà soát hộ nghèo cận nghèo, với kinh phí: 27,540 triệu đồng và tổ chức giám sát công tác giảm nghèo tại các xã, phường: 7,7 triệu đồng.

### **III. Kết quả thực hiện các mục tiêu của Chương trình**

Kết quả thực hiện cụ thể từng mục tiêu của Chương trình từ năm 2022 - năm 2024:

#### **1. Giảm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo**

- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều duy trì mức giảm 0,5 – 0,6%/năm. Tính đến thời điểm hiện tại đạt và vượt so với kế hoạch giai đoạn 5 năm: Tổng số hộ nghèo đầu kỳ cuối năm 2021 là 1.700 hộ, tỷ lệ : 4,20 %. Đến cuối năm 2023, số hộ nghèo còn 1.224 hộ, tỷ lệ 2,99%, giảm 476 hộ nghèo với tỷ lệ giảm là 1,21% so với đầu kỳ (cụ thể: Tổng số hộ nghèo cuối năm 2022: 1.485 hộ, tỷ lệ 3,66% đến cuối năm 2023 còn 1.224 hộ, tỷ lệ 2,99%, trung bình mỗi năm giảm từ 0,8%).

- Tỷ lệ hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều duy trì mức giảm 0,5 – 1,5%/năm; Tính đến thời điểm hiện tại đạt và vượt so với kế hoạch giai đoạn 5 năm: Tổng số hộ cận nghèo đầu kỳ cuối năm 2021 là 2.692 hộ, tỷ lệ : 6,66 %. Đến cuối năm 2023, số hộ cận nghèo còn 1.736 hộ, tỷ lệ 4,24%, giảm 956 hộ cận nghèo với tỷ lệ giảm là 2,42% so với đầu kỳ (cụ thể: Tổng số hộ cận nghèo cuối năm 2022: 2.045 hộ, tỷ lệ 5,04% đến cuối năm 2023 còn 1.781 hộ, tỷ lệ 4,39%, trung bình mỗi năm giảm từ 0,76%).

**2. Số mô hình được nhân rộng:** 02 mô hình ( chăn nuôi bò cái lai sinh sản và hỗ trợ ngư lưới cụ); số dự án được phê duyệt so với kế hoạch là 09 dự án.

**3. Số lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo có việc làm** 1.536/ 2.960 tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo.

**4. 100%** cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức về các nội dung triển khai công tác giảm nghèo năm 2023.

#### **5. Về việc làm:**

+ 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm.

+ Tối thiểu 15 người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được hỗ trợ kết nối việc làm thành công.

**6. Về y tế:** 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế.

**7. Về giáo dục, đào tạo:** Tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi đạt 95%.

**8. Về nước sinh hoạt và vệ sinh:** 80% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; ít nhất 60% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà



tiêu hợp vệ sinh.

9. Về thông tin: 80% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet.

#### **IV. Kết quả thực hiện các chính sách giảm nghèo chung (Thời gian báo cáo từ tháng 7/2021 đến hết tháng 6/2024)**

- Chính sách hỗ trợ giáo dục đào tạo cho học sinh mầm non, tiểu học và THCS thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo từ năm 2021, 2022, 2023 và dự kiến năm 2024:

+ Hỗ trợ miễn giảm học phí: 3.969 em, kinh phí: 1.411,108 triệu đồng;

+ Hỗ trợ chi phí học tập: 3.207 em, kinh phí: 2.471 triệu đồng.

+ Hỗ trợ tiền ăn trưa cho học sinh mầm non: 847 em, kinh phí: 775,3 triệu đồng.

+ Hỗ trợ học bổng, phương tiện và đồ dùng học tập: 140 em, kinh phí: 974,928 triệu đồng.

- Chính sách y tế: Cấp cho 28.077 thẻ Bảo hiểm y tế cho người nghèo và cận nghèo với tổng kinh phí 20.756.900.700 đồng, cụ thể:

+ Cấp thẻ Bảo hiểm y tế cho 8.214 thẻ hộ nghèo với tổng kinh phí 6.096.637.350 đồng (năm 2021: cấp 2.171 thẻ với số tiền 1.693.280.700 đồng; năm 2022: cấp 2.447 thẻ với số tiền 1.899.392.400 đồng, năm 2023 cấp 2.061 thẻ với số tiền 1.758.278.250 đồng và 6 tháng đầu năm 2024: 1.535 thẻ với số tiền 745.686.000 đồng).

+ Cấp thẻ Bảo hiểm y tế cho 19.863 thẻ người cận nghèo, với tổng kinh phí 14.660.353.350 đồng.(năm 2021: cấp 5.075 thẻ với số tiền 3.910.624.200 đồng; năm 2022: cấp 6.314 thẻ với số tiền 4.885.128.900 đồng, năm 2023 cấp 4.723 thẻ với số tiền 4.040.966.250 đồng và 6 tháng đầu năm 2024: 3751 thẻ với số tiền 1.823.634.000 đồng).

- Chính sách trợ giúp pháp lý: Từ năm 2021 đến nay, thị xã Đức Phổ đã thực hiện trợ giúp pháp lý cho 28 trường hợp là hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Chính sách tiền điện: Từ năm 2021-2024 hỗ trợ: 25.904 lượt hộ nghèo và hộ chính sách xã hội với tổng kinh phí: 4.308,552 triệu đồng.

+ Năm 2021: 6.593 lượt hộ nghèo và hộ chính sách xã hội với tổng kinh phí: 1.061,115 triệu đồng.

+ Năm 2022: 7.875 lượt hộ nghèo và hộ chính sách xã hội với tổng kinh phí: 1.272,755 triệu đồng.

+ Năm 2023: 6.324 lượt hộ nghèo và hộ chính sách xã hội với tổng kinh phí: 1.067,422 triệu đồng.

+ Năm 2024: 5.112 lượt hộ nghèo và hộ chính sách xã hội với tổng kinh phí: 907,260 triệu đồng.

- Chính sách tín dụng ưu đãi: Phối hợp với Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã thực hiện các chương trình cho vay nhằm giải quyết

việc làm, hỗ trợ khó khăn cho người dân, góp phần giảm nghèo bền vững. Cụ thể như sau:

+ Cho vay ưu đãi hộ nghèo theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ: 5.920 triệu đồng, với 126 lượt hộ vay, tổng dư nợ là: 14.781 triệu đồng.

+ Cho vay học sinh sinh viên theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ: 32.298 triệu đồng với 565 lượt hộ vay, tổng dư nợ là: 41.998 triệu đồng.

+ Cho vay đối tượng đi lao động có thời hạn ở nước ngoài theo Quyết định số 365/2004/QĐ-NHNN ngày 13/4/2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, 01 lượt hộ vay, tổng dư nợ là: 30 triệu đồng.

+ Vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn theo Quyết định số 62/2004/QĐ-TTg ngày 16/4/2004 của Thủ tướng Chính phủ: 27.520 triệu đồng với 1.390 lượt hộ vay, tổng dư nợ là: 46.562 triệu đồng.

+ Cho vay hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ, tổng dư nợ là: 85 triệu đồng.

+ Cho vay hộ mới thoát nghèo theo Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ: 3.297 triệu đồng với 60 lượt hộ vay, tổng dư nợ là: 12.688 triệu đồng.

+ Vay hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn theo Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ: 7.280 triệu đồng với 153 lượt hộ vay, tổng dư nợ là: 20.098 triệu đồng.

+ Cho vay hộ cận nghèo theo Quyết định 15/2013/QĐ-TTg: 110.279 triệu đồng, với 2.185 lượt hộ vay, tổng dư nợ là: 176.958 triệu đồng.

+ Cho vay hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng tránh bão lụt khu vực miền Trung theo Quyết định số 48/2014/QĐ-TTg ngày 28/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ: tổng dư nợ là: 757 triệu đồng.

## **7. Đánh giá chung**

### **a) Ưu điểm**

#### **\* Kết quả thực hiện các dự án**

- Đối với Dự án, mô hình “chăn nuôi bò cái lai Zê bu sinh sản” tại 04 xã, phường: Phổ Phong, Phổ Thạnh, Phổ Ninh và Phổ Cường, với tổng số bò giống hỗ trợ: 91 con/ 91 hộ. Mô hình được đánh giá cao vì có ý nghĩa rất to lớn đối với các hộ nghèo, cận nghèo và hộ mới thoát nghèo. Đây vừa là tài sản, vừa là tư liệu sản xuất để các hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo phát triển kinh tế vươn lên thoát nghèo bền vững, đồng thời là nguồn động viên lớn lao về mặt tinh thần, thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Đảng, Nhà nước và cộng đồng đối với các hộ có hoàn cảnh khó khăn. Qua kiểm tra thực tế 90 hộ được nhận bò (01 hộ bò đã bị chết sau khi nhận bò), nhìn chung đàn bò sinh trưởng, phát triển tốt, theo giá thị trường hiện nay, bê con 6 – 7 tháng

tuổi có thể bán được khoảng 15 triệu đồng/con, là nguồn thu nhập khá cho các hộ gia đình.

- Đối với dự án, mô hình “hỗ trợ ngư lưới cụ” bước đầu mang lại hiệu quả kinh tế cho một số hộ dân thuộc diện được hỗ trợ của dự án, góp phần vào công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn phường Phổ Quang nói riêng và trên địa bàn thị xã nói chung.

**\* Kết quả thực hiện các mục tiêu:** Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn này thực hiện bao phủ, rộng khắp, đa chiều, bao trùm, mang tính tích hợp, mở rộng đối tượng, địa bàn thụ hưởng, quan tâm hơn đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương cần được hỗ trợ, chuyển mạnh từ hoạt động hỗ trợ sinh kế đơn thuần sang hỗ trợ các mô hình giảm nghèo có hiệu quả. Tăng cường các hoạt động giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm bền vững. Cơ chế thực hiện rộng, bao quát tất cả các địa bàn thị xã. Các dự án và Tiểu dự án, hỗ trợ trực tiếp hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo và nhiều nhóm đối tượng khác theo quy định đã tạo điều kiện cho người dân được tiếp cận và sử dụng nguồn vốn hợp lý, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, thực hiện đạt mục tiêu giảm nghèo.

- Mức độ hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình đến thời điểm này, đạt và vượt so với kế hoạch giai đoạn 5 năm: Tổng số hộ nghèo đầu kỳ cuối năm 2021 là 1.700 hộ, tỷ lệ : 4,20 %; cuối năm 2022: 1.485 hộ, tỷ lệ 3,66%; cuối năm 2023, số hộ nghèo còn 1.224 hộ, tỷ lệ 2,99%, giảm 476 hộ nghèo với tỷ lệ giảm là 1,21% so với đầu kỳ, trung bình mỗi năm giảm từ 0,6%.

- Việc bố trí nguồn lực thực hiện và tiến độ thực hiện: Tương đối hợp lý, tuy nhiên do đối tượng thụ hưởng là hộ nghèo, hộ cận nghèo hiện nay đa số là những hộ già yếu, bệnh tật,... không còn khả năng lao động hoặc hộ có khả năng lao động nhưng người phụ thuộc trong hộ lớn, gánh nặng chăm sóc cao; bên cạnh đó đa số hộ nghèo làm nông nghiệp nhưng điều kiện thời tiết, thiên tai, dịch bệnh, mất mùa, giá cả không ổn định, đau ốm, bệnh tật, .... dẫn đến năng lực tham gia hạn chế, đồng thời các đối tượng tham gia dự án dễ trùng lặp, dẫn đến tiến độ thực hiện còn chậm.

b) Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

*\* Tồn tại, hạn chế*

+ Việc giảm nghèo ngày càng khó khăn; kết quả thực hiện mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo hàng năm đạt chỉ tiêu được giao song chưa thật sự bền vững.

+ Việc giải ngân các dự án, tiểu dự án đạt thấp, đặc biệt là tiểu dự án 1 dự án 4; dự án 7 khó giải ngân hết kinh phí.

+ Vẫn còn một số hộ nghèo, cận nghèo còn trông chờ ỷ lại các chính sách của Nhà nước nên không muốn thoát nghèo.

*\* Nguyên nhân*

+ Hộ nghèo, hộ cận nghèo hiện nay đa số là những hộ già yếu, bệnh tật,... không còn khả năng lao động hoặc hộ có khả năng lao động nhưng người phụ

thuộc trong hộ lớn, gánh nặng chăm sóc cao; bên cạnh đó đa số hộ nghèo làm nông nghiệp nhưng điều kiện thời tiết, thiên tai, dịch bệnh, mất mùa, giá cả không ổn định, đau ốm, bệnh tật, .... dẫn đến khả năng thoát nghèo bền vững là chưa cao và nguy cơ tái nghèo, tái cận nghèo.

+ Triển khai thực hiện Dự án 2, việc trao quyền cho cộng đồng dân cư cùng thực hiện, trình độ chuyên môn của người viết dự án còn hạn chế nên chưa đáp ứng được yêu cầu trong việc xây dựng dự án. Việc thực hiện quay vòng vốn hỗ trợ là khó khăn đối với hộ nghèo. Đối tượng hộ nghèo, cận nghèo đủ điều kiện để tham gia dự án đến thời điểm này chỉ còn số ít.

### **8. Đề xuất, kiến nghị**

Đề nghị tỉnh có văn bản hướng dẫn thống nhất công tác giải ngân kế hoạch vốn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững hằng năm để các địa phương triển khai thực hiện nhiệm vụ hiệu quả, đúng quy định.

*(Kèm theo Báo cáo các Biểu số: 01, 02)*

Trên đây là báo cáo tình hình và kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 (bao gồm kế hoạch vốn năm 2022 - 2023 thực hiện lũy kế đến thời điểm giám sát). Kính báo cáo Đoàn giám sát theo dõi, tổng hợp./.

#### **Nơi nhận:**

- Sở LĐ-TB&XH tỉnh;
- Thành viên của Đoàn giám sát;
- CT, các PCT UBND thị xã;
- Phòng LĐ-TB&XH thị xã;
- Văn phòng HĐND và UBND thị xã;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Thanh Hùng**